

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2024

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1997; cư trú: **Tổ A, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang**.

Bì đơn: Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1996; cư trú: **tổ B, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang**.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà **Nguyễn Thị Hồng N** trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông **P** là tự tìm hiểu được hai bên cha mẹ đồng ý, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang**.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi bà nghỉ thai sản, ông **P** phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Nhiều lần bà đề nghị ông chấm dứt nhưng không được, gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn càng trầm trọng khi ông **P** có lời thách thức, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà ly thân với ông **P** từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà **N** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **N** yêu cầu được ly hôn với ông **P**.

Về con chung: Có được 01 (một) con chung tên **Trần Thị Lan A**, sinh ngày 01/02/2019, hiện nay con chung đang sống với ông **P**. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông **P** được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông **P**.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông **P** theo quy định nhưng ông **P** vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa

án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của Bà **N**, ông **P** để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chúng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo biên bản xác minh ngày 06/5/2024 do Công an xã **N** cung cấp xác định ông **P** vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ **tổ B, ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang**, chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông **Ngô Thành Q** – bạn của bà **N** và ông **P** cho biết hôn nhân của bà **N** và ông **P** đúng như lời bà **N** trình bày. Chuyện vợ chồng bà **N** và ông **P**, ông không biết mâu thuẫn cụ thể như thế nào. Ông có vài lần chứng kiến, sau khi bà **N** nghỉ thai sản trở lại làm việc thì vợ chồng ông bà cự cãi nhau, do ông **P** không chăm lo làm ăn bán tài sản là xe máy, phát sinh tình cảm với người khác. Bà **N** khuyên ngăn thì ông tỏ thái độ, bạn bè gia đình đều hàn gắn nhưng không được. Cự cãi xảy ra ngày càng thường xuyên hơn, nhận thấy không thể chung sống nên ông bà đã ly thân đến nay đã hơn 4 năm. Trong thời gian đó, ông bà không liên hệ hàn gắn. Nay bà nhận thấy có quay lại chung sống với ông **P** cũng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn. Ngoài ra, bà và ông **P** còn có 01 con chung, hiện đang sống cùng ông **P** và gia đình.

Tại phiên tòa, bà **N** vắng mặt có đơn; riêng ông **P** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **N** chung sống với ông **P** đến năm 2018 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **P** hiện đang cư trú tại **xã N, huyện A**. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Hồng N**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **N** và ông **P** tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh An Giang** vào năm 2016 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà **N** vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông **P**. Tại phiên hòa giải, bà **N** yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà **N** vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông **P**. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà tuy mới phát phát sinh nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà **N** cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông **P** phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với chứng cứ Tòa án thu thập được. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn

nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên **Trần Thị Lan A**, sinh ngày 01/02/2019, hiện nay con chung đang sống chung với ông **P**. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý cho ông **P** được tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, con chung hiện sống ổn định, được đi học, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, nhằm không ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của con chung nên quyết định tiếp tục giao con chung cho ông **P** cùng gia đình nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông **P** vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông **P** có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Ông **P** cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà **N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà **N** không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà **N** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng N được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 01/02/2019, Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông P cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009371 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2024), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);

- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân